

Bản án số: 81 /2021/HSST
Ngày 12/11/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH CHƯƠNG, TỈNH NGHỆ AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Dũng**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Đắc Sửu**

Bà **Nguyễn Thị Phi Yến**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Nguyễn Xuân Tráng** là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Phương Thùy**- Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ an xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 76/2021/TLST-HS ngày 21 tháng 10 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HS ngày 28 tháng 10 năm 2021 đối với các bị cáo:

-Họ và tên: **Trần Văn H**, sinh năm 1990 tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm L, xã TL, huyện TC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H, sinh năm 1962 và bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1964; Có vợ là Nguyễn Thị C, sinh năm 1991; Con có 03 người, con lớn nhất sinh năm 2012, con nhỏ nhất sinh năm 2019; Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 01. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2021. Có mặt.

-Họ và tên: **Hoàng Văn S**, sinh năm 1999 tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn A, xã TA, huyện TC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Văn D, sinh năm 1974 và bà Trần Thị P, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em ruột có 04 người, bị cáo là con thứ 01.

Tiền án: Ngày 14/02/2020 bị Tòa án nhân dân Thành Phố Vinh, tỉnh Nghệ An xử phạt 12 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” đã chấp hành xong bản án ngày 26/11/2020.

Tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2021. Có mặt.

-Họ và tên: **Lê Văn T**, sinh năm 1999 tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Xóm H, xã T, huyện TC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn M, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1972; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em ruột có 02 người, bị cáo là con thứ 02. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2021. Có mặt.

-Họ và tên: **Nguyễn Đức T**, sinh năm 2002 tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ

An; Nơi cư trú: Thôn A, xã TA, huyện TC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Danh N, sinh năm 1971 và bà Nguyễn Thị L (đã chết); Vợ, con: Chưa có; Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/8/2021. Có mặt.

-Họ và tên: **Đặng Văn T**, sinh năm 1999 tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn L, xã TK, huyện TC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Kh, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 02 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2021. Có mặt.

-Họ và tên: **Đặng Văn H**, sinh năm 2003 tại huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An; Nơi cư trú: Thôn L, xã TK, huyện TC, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn Kh, sinh năm 1975 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1976; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em ruột có 03 người, bị cáo là con thứ 03 trong gia đình. Tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/8/2021. Có mặt.

Người bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn T và Đặng Văn H:

Luật sư **Thái Bình Dương** – Văn phòng Luật sư Lê Trần – Đoàn Luật sư tỉnh Nghệ An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 10/8/2021, sau khi ăn uống cùng một số người bạn ở Thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An, Lê Văn T rủ Nguyễn Đức T đi mua ma túy đá về để sử dụng thì Tâm đồng ý và mượn điện thoại của anh Trịnh Văn Hữu, sinh năm 1994, trú tại ngõ 158, đường Tuệ Tĩnh, phường Hà Huy Tập, thành phố Vinh gắn sim điện thoại có thuê bao 086.255.6786 gọi điện vào sim điện thoại có số thuê bao 034.285.3839 của Đặng Văn T để nhờ Trường mua ma túy đá. Do trước đó, Trường mượn máy điện thoại nhãn hiệu OPPO A37 của em trai là Đặng Văn H để lắp sim điện thoại có số thuê bao 0342.853.839 và sim điện thoại có số thuê bao 035.850.5270 của mình vào nên khi Tâm gọi đến thì Hảo nghe máy rồi sau đó chuyển máy lại cho Trường. T cầm máy từ H rồi bật loa ngoài của điện thoại và nói: "*Ai đây?*". Tâm trả lời: "*Em T đây, nhờ anh lấy cho em hai trăm tiền đá được không?*" (ý nhờ T mua 200.000 đồng ma túy đá). T trả lời: "*Anh không có tiền đây*". Nghe thấy vậy, Tâm nói: "*Em đang cầm tiền ở dưới Vinh chuẩn bị về*" thì T nói: "*Ừ*". Ngay sau đó, T sử dụng chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, biển kiểm soát: 29D2-407.59 của anh trai Toàn là anh Lê Văn T, sinh năm 1997, trú tại xóm A, xã T, huyện Thanh Chương điều khiển chở T về huyện Thanh Chương. Khi cả hai đi đến thôn Chi Hòa, xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương thì T nói T dừng xe lại để một mình T đi lấy ma túy. T đồng ý nên lấy tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng đưa cho T. T cầm tiền rồi lấy xe mô tô của T đi đến nhà T. Đến nơi, T để xe ngoài cổng rồi đi bộ vào nhà T. Khi vào đến sân, T gặp H đang ngồi chơi ở sân. Tiếp đó, T đi vào nhà để gặp T, thì H cũng đi vào theo phía sau. Khi vào nhà, T

thấy T và Hoàng Văn S đang làm dụng cụ để đặt bẫy lươn nên T nói với T: "*Nhờ anh lấy hộ cho em hai trăm nghìn tiền đá*" (ý nói nhờ T mua hộ T hai trăm nghìn tiền ma túy đá). T đồng ý nên T đưa cho T 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng mà T đưa cho T trước đó. T cầm tiền, rồi lấy máy điện thoại của H có gắn sim điện thoại có số thuê bao 035.850.5270 của T gọi đến sim điện thoại có số thuê bao 033.758.9650 của Trần Văn H và nói: "*Anh để cho em hai trăm nghìn tiền đá*" (ý nói H bán 200.000 đồng ma túy đá) thì H trả lời: "*Em qua cổng đi*". Nghe thấy vậy, T đưa tiền của T cho H và nói: "*Chạy sang bên nhà anh H lấy cho thằng T hai trăm nghìn tiền ma túy đá*", đồng thời T nói với S: "*Chở thằng H sang bên nhà anh H lấy hai trăm nghìn tiền ma túy đá*". H và S đồng ý nên S lấy xe mô tô của T chở H đi sang nhà H. Khi gần đến nơi, H lấy điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 của H, gắn sim điện thoại có số thuê bao 035.850.5270 của T gọi cho H. Gặp H, H đưa cho H 200.000 đồng và nhận từ H 01 gói ma túy. H cất gói ma túy vào trong lòng bàn tay phải của mình rồi cùng S ra về. Về đến nhà, H đưa gói ma túy đó cho T, T cầm rồi đưa cho T đồng thời nói với T: "*Cho anh xin một ít*". T nói: "*Anh lấy đi*". T lấy một ít ma túy rồi trả lại cho T. Sau đó, T, H, S sử dụng phần ma túy còn lại (quá trình H, S sử dụng ma túy tại nhà của T thì T không biết). Còn T cầm gói ma túy rồi điều khiển xe mô tô đi đến nơi T đang đứng đợi rồi đi về, khi T và T đi đến thôn Chi Hòa, xã Thanh Chi thì bị tổ công tác Công an xã Thanh Chi phát hiện lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và thu giữ 01 gói pôtylen màu trắng *bên trong chứa tinh thể màu trắng* trong lòng bàn tay phải của T; 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 29D2 - 407.59.

Đến ngày 13/8/2021, nhận thấy hành vi sai trái của mình, Trần Văn H; Đặng Văn T; Đặng Văn H; Hoàng Văn S đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Chương đầu thú.

Ngày 11/8/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Chương đã thành lập hội đồng tiến hành mở niêm phong xác định khối lượng, lấy mẫu đi giám định và niêm phong lại.

Tại bản kết luận giám định số 11217/KL-PC09(Đ2-MT) ngày 16/8/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Nghệ An kết luận: "*Mẫu tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Đức T; Lê Văn T gửi tới giám định là ma túy (Methamphetamine). Chất tinh thể màu trắng thu giữ của Nguyễn Đức T; Lê Văn T có khối lượng 0,315 gam*"

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra đã thu giữ: 01 gói Methamphetamine có khối lượng là 0,315 gam Methamphetamine đã sử dụng hết trong quá trình giám định; 01 thẻ nhớ đầu thu camera nhãn hiệu Transcend 16GB, sau khi mở niêm phong kiểm tra dữ liệu trong thẻ nhớ, thì không phát hiện dữ liệu liên quan đến hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho vợ của H là chị Nguyễn Thị Chín; 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu HONDA, loại WAVE, biển kiểm soát: 29D2- 407.59 của anh trai Toàn là anh Lê Văn Thắng Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả lại cho anh Thắng.

Vật chứng còn lại gồm 01 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng Trần Văn H tự nguyện giao nộp; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0358505270 thu giữ của Đặng Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0337589650; vỏ ni long, phong bì

niêm phong ban đầu được Cơ quan điều tra chuyển đến Kho bạc Nhà nước chi nhánh huyện Thanh Chương và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương.

Bản cáo trạng số 75/CT -VKS ngày 19 tháng 10 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An truy tố Trần Văn H về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Truy tố Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T, Đặng Văn H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trần Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T, Đặng Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với Trần Văn H.

Xử phạt bị cáo Trần Văn H từ 30 đến 36 tháng tù. Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Hoàng Văn S.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn S từ 18 đến 20 tháng tù. Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H và Lê Văn T.

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 18 đến 20 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn T từ 17 đến 19 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Đặng Văn H từ 17 đến 19 tháng tù.

Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Áp dụng: Điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T từ 17 đến 19 tháng tù. Miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy vỏ ni lông, vỏ phong bì niêm phong ban đầu.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy.

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0358505270 thu giữ của Đặng Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0337589650 thu tại Trần Văn H .

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Luật sư bào chữa cho các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H không tranh luận về chứng cứ và tội danh mà Viện kiểm sát truy tố bị cáo.

Luật sư có ý kiến: Đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H mỗi bị cáo từ 17 đến 19 tháng tù là quá nghiêm khắc. Các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú; trình độ văn hóa thấp, hiểu biết pháp luật hạn chế, các bị cáo có nhân thân tốt và không có tiền tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét xử phạt các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H mức án thấp nhất mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị tại phiên tòa.

Các bị cáo Trần Văn H, Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T, Đặng Văn H thừa nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố, các bị cáo không tranh luận với đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H đồng ý với quan điểm bào chữa của Luật sư bào chữa cho các bị cáo và không bổ sung gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án từ khi khởi tố, điều tra, truy tố thì Điều tra viên, Kiểm sát viên đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Các bị cáo, Luật sư bào chữa cho các bị cáo không có khiếu nại về các hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra và Viện kiểm sát, do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa các bị cáo Trần Văn H, Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T, Đặng Văn H khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng mà Viện kiểm sát đã truy tố. Hội đồng xét xử xét thấy lời khai nhận tội của các bị cáo là phù hợp với nhau, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang; phù hợp với lời khai người làm chứng, vật chứng thu được; phù hợp với bản kết luận giám định và các chứng cứ tài liệu khác có tại hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa.

Có đủ cơ sở kết luận: Vào hồi 23 giờ 30 phút ngày 10/8/2021 tại thôn Chi Hòa, xã

Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An, tổ công tác Công an xã Thanh Chi phát hiện bắt quả tang Lê Văn T, Nguyễn Đức T đang có hành vi cất dấu 0,315 gam Methamphetamine (*không phải ba trăm mười lăm gam*) với mục đích để sử dụng. Về nguồn gốc số ma túy 0,315 gam Methamphetamine mà Lê Văn T và Nguyễn Đức T tang trữ trái phép là do Nguyễn Đức T nhờ Đặng Văn T, sau đó Đặng Văn T nhờ Đặng Văn H và Hoàng Văn S mua của Trần Văn H với số tiền 200.000 đồng.

Hành vi nêu trên của các bị cáo Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T và Đặng Văn H đã phạm vào tội “Tàng trữ phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi của Trần Văn H đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm c khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự.

Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến sự quản lý độc quyền của nhà nước về chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương do đó cần thiết phải lên một mức án nghiêm cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng cải tạo giáo dục bị cáo.

[3] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và vai trò của từng bị cáo thì thấy rằng:

Đối với hành vi tang trữ trái phép chất ma túy thì bị cáo Lê Văn T là người khởi xướng do đó bị cáo phải chịu hình phạt cáo hơn các bị cáo khác trong vụ án; các bị cáo Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Đặng Văn T và Đặng Văn H là người thực hành tích cực do đó phải chịu hình phạt ngang nhau.

Đối với hành vi mua bán trái phép chất ma túy thì bị cáo Trần Văn H thực hiện một mình do đó bị cáo phải chịu hình phạt tương xứng với hành vi của mình gây ra.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo Hoàng Văn S là người có nhân thân xấu, bị cáo phạm tội lần này thuộc trường hợp tái phạm là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú; ông ngoại bị cáo là người có công với nước được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự

Các bị cáo Trần Văn H, Đặng Văn T và Đặng Văn H là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; sau khi phạm tội đã đến Cơ quan cảnh sát điều tra đầu thú được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Lê Văn T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; ông nội bị cáo là người có công với nước được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Bị cáo Nguyễn Đức T là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; không không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ

trách nhiệm hình sự người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Các bị cáo Trần Văn H, Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T và Đặng Văn H đều làm nghề lao động tự do, thu nhập thấp nên miễn hình phạt tiền là hình phạt bổ sung cho bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Đối với 0,315 gam Methamphetamine đã sử dụng hết trong quá trình giám định. Còn lại vỏ ni lông, vỏ phong bì niêm phong ban đầu tịch thu tiêu hủy

Số tiền 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng là tiền bị cáo thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy do đó tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước

Đối với 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0358505270 thu giữ của Đặng Văn H; 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0337589650 thu tại Trần Văn H là công cụ, phương tiện các bị cáo dùng để phạm tội nên tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Theo lời khai của Trần Văn H thì còn có người đàn ông ở huyện Tương Dương, tỉnh Nghệ An là người đã bán ma túy cho Hồ, nhưng do Hồ không cung cấp được họ, tên, tuổi, địa chỉ của người này nên Cơ quan Cảnh sát điều tra không có căn cứ để xử lý là đúng pháp luật.

Đối với Trịnh Văn Hữu là người đã cho Tâm mượn điện thoại để Tâm liên lạc với Đặng Văn T trong việc mua ma túy; Lê Văn Thắng là người đã cho Tâm mượn xe mô tô để Tâm đi mua ma túy. Quá trình điều tra đã chứng minh được anh Hữu không biết mục đích mượn điện thoại của Tâm, anh Thắng không biết mục đích mượn xe của Tâm nên Cơ quan điều tra không tiến hành xử lý hình sự đối với Trịnh Văn Hữu và Lê Văn Thắng là có căn cứ và đúng pháp luật.

Đối với hành vi sử dụng ma túy của Đặng Văn H và Hoàng Văn S tại nhà của Đặng Văn T thì Trường không biết, sau khi Hảo và Sinh sử dụng ma túy xong thì Đặng Văn T mới biết nên cơ quan Cảnh sát điều tra không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với Đặng Văn T về tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" là có căn cứ và đúng pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, 2 Điều 51 Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với Trần Văn H.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Hoàng Văn S.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với các bị cáo Đặng Văn T, Đặng Văn H và Lê Văn T.

Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án đối với bị cáo Nguyễn Đức T.

1. Tuyên bố bị cáo: Trần Văn H phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Trần Văn H **02 (Hai)** năm, **06 (Sáu)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2021.

2. Tuyên bố các bị cáo: Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T và Đặng Văn H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt: Hoàng Văn S **18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2021.

Xử phạt: Lê Văn T **18 (Mười tám)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2021.

Xử phạt: Nguyễn Đức T **17 (Mười bảy)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 11/8/2021.

Xử phạt: Đặng Văn T **17 (Mười bảy)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2021.

Xử phạt: Đặng Văn H **17 (Mười bảy)** tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/8/2021.

3. Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy 01 (một) bì thư niêm phong dán kín, mặt trước ghi: “01 vỏ phong bì niêm phong ban đầu, 01 (một) vỏ bao Pôtylen màu trắng khi bắt quả tang Nguyễn Đức T, sinh năm 1992; trú tại: Thôn A, xã TA, huyện TC và Lê Văn T, sinh năm 1999; trú tại: Xóm Hoàng Chùa, xã Thanh Tiên, huyện Thanh Chương, bắt ngày 10/8/2021 tại Thôn Chi Hòa, xã Thanh Chi, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An)

Tịch thu nộp ngân sách nhà nước 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37, gắn sim điện thoại có số thuê bao 0358505270 và 01 (một) chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 6S plus, màu vàng, số IMEL: 354985074311121 gắn sim điện thoại có số thuê bao 0337589650 đã qua sử dụng.

(Chi tiết vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/10/2021 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ an và Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ an)

Tịch thu nộp vào ngân sách Nhà nước số tiền **200.000**(Hai trăm ngàn) đồng.(Chi tiết vật chứng theo Biên bản giao nhận tài sản ngày 30/8/2021; Phiếu nhập kho ngày 30/8/2021 giữa Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An và Kho bạc Nhà nước huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An)

4.Về án phí: Các bị cáo Trần Văn H, Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T và Đặng Văn H mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng (Hai trăm ngàn) án phí hình sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Các bị cáo Trần Văn H, Hoàng Văn S, Nguyễn Đức T, Lê Văn T, Đặng Văn T và Đặng Văn H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Thanh Chương;
- Sở tư pháp tỉnh Nghệ An;
- Công an huyện Thanh Chương;
- Các bị cáo;
- UBND xã T (thay thông báo);
- UBND xã X (thay thông báo);
- UBND xã Y (thay thông báo);
- UBND xã Q (thay thông báo);
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Dũng

